CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..10..tháng..10.. năm 2025

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin

Số: .....331..../HĐKT/TC/NV5

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Biên bản Duyệt giá lựa chọn thuê Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 số 831/BB-VMIC-TVMH ngày 25/9/2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin;
- Căn cứ Biên bản đàm phán hợp đồng ngày 26/9/2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô – Vinacomin;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ – VINACOMIN

Người đại diện: Ông Đỗ Hải Hùng

Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 3612/ GUQ-VMIC ngày 29/8/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin).

Địa chỉ: Số 370, đường Trần Quốc Tảng, Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3865 283

Fax: 02033 862.398

Mã số thuế: 05700353722

Tài khoản số: 110000010621 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cẩm Phả

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Người đại diện: Ông Nguyễn Viết Long

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Đại diện theo Giấy ủy quyền số 09 ngày 01/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà HH3 (SUDICO), đường Mễ Trì, P. Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02438.689.566

Fax: 02438.689.566

Mã số thuế: 0102051074

Tài khoản số: 26086889 - Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính của bên A cho năm tài chính 2025, bao gồm:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

2. Kiểm tra, soát xét và xác nhận số liệu trong các biểu báo cáo phục vụ việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:

- Sản xuất lắp ráp ô tô;
- Sữa chữa trung đại tu thiết bị, xe máy;
- Cải hoán xe chuyên dùng;
- Sản phẩm, dịch vụ cơ khí;
- Dịch vụ, sản phẩm, sản xuất khác;
- Xây dựng cơ bản,...

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của bên A:

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

(a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

(b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

(c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

(i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

(ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

(iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán.

Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn.

Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy

nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A

- 17 (mười bảy) bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, Bên A giữ 15 (mười lăm) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ.
- 06 (sáu) bộ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bằng tiếng Anh, trong đó Bên A giữ 05 (năm) bộ, bên B giữ 1 (một) bộ.
- Thư quản lý được lập thành 07 (bảy) bộ bằng tiếng Việt, trong đó Bên A giữ 06 (sáu) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ.
- Thư xác nhận số liệu báo cáo năm 2025 của hệ thống Báo cáo quản trị TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017), được lập thành 06 (sáu) bộ bằng tiếng Việt, trong đó Bên A giữ 05 (năm) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ.
- Danh mục tài sản được lập thành 04 (bốn) bộ bằng tiếng Việt, trong Bên A giữ 03 (ba) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN PHÁT HÀNH BÁO CÁO

Các báo cáo sẽ được phát hành trong thời gian nhanh nhất theo đúng kế hoạch kiểm toán nếu hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại điều 2 của hợp đồng này, cụ thể như sau:

- Thời hạn báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 được phát hành chậm nhất ngày 26/02/2026
- Trường hợp có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng bàn bạc trao đổi để có thể phát hành báo cáo càng sớm càng tốt.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ cho dịch vụ nêu tại Điều 1 là: 120.000.000 VND (*bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn).*

Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT.

Điều khoản thanh toán (theo thỏa thuận):

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phí dịch vụ kiểm toán như sau:

Thanh toán 50% ngay sau khi ký hợp đồng;

Thanh toán 50% sau khi Bên B phát hành đầy đủ báo cáo kiểm toán cho Bên A.

Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (hoặc ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán).

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
Công ty TNHH Kiểm toán	**Công ty Cổ phần**
và Thẩm định giá Việt Nam	**Công nghiệp Ô tô – Vinacomin**
Phó Tổng Giám Đốc	**Phó Giám Đốc**
Nguyễn Viết Long	**Đỗ Hải Hùng**